

TÓM TẮT ĐỀ TÀI NCKH:

**ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
TRONG PHÁT TRIỂN
NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM**

PGS.TS. Phạm Văn Dũng

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đề tài

Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nền kinh tế thị trường Việt Nam

2. Mã số

KX.04.07/06-10, thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước “Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2006-2010,” mã số KX.04/06-10

3. Thời gian thực hiện

Năm 2007-2010

4. Chủ trì đề tài

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

5. Chủ nhiệm đề tài:

Họ và tên: PGS.TS. Phạm Văn Dũng

Chức vụ: Chủ nhiệm Khoa Kinh tế Chính trị

Đơn vị: Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)

E-mail: dungpv@vnu.edu.vn

6. Danh sách các tổ chức phối hợp và cá nhân tham gia đề tài

Danh sách các tổ chức phối hợp

| TT | Các tổ chức tham gia thực hiện |
|----|--|
| 1 | Viện Kinh tế Việt Nam |
| 2 | Viện Kinh tế Chính trị (nay là Viện Kinh tế), Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh |

Danh sách các cá nhân tham gia thực hiện chính

| TT | Các cá nhân tham gia thực hiện | Cơ quan công tác |
|----|--------------------------------|---------------------------------|
| 1 | ThS. Lê Văn Anh | Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 2 | TS. Vũ Thị Dậu | Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |

| TT | Các cá nhân tham gia thực hiện | Cơ quan công tác |
|----|--------------------------------|--|
| 3 | PGS.TS. Phạm Văn Dũng | Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 4 | CN. Ngô Thùy Dung | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 5 | TS. Phạm Thị Hồng Điệp | Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 6 | PGS.TS. Lê Cao Đoàn | Viện Kinh tế Việt Nam |
| 7 | PGS.TS. Phan Huy Đường | Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 8 | ThS. Phạm Văn Chiến | Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 9 | TS. Nguyễn Mạnh Hải | Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương |
| 10 | TS. Trần Đức Hiệp | Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 11 | ThS. Hoàng Triều Hoa | Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 12 | PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hồi | <i>Tạp chí Quốc phòng Toàn dân</i> |
| 13 | CN. Nguyễn Tuấn Hùng | Học viện Ngân hàng |
| 14 | PGS.TS. Phùng Xuân Nhạ | Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 15 | CN. Phạm Ngọc Hương Quỳnh | Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 16 | PGS.TS. Mai Thị Thanh Xuân | Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 17 | TS. Nguyễn Hữu Sở | Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 18 | ThS. Ngô Đăng Thành | Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 19 | PGS.TS. Nguyễn Khắc Thanh | Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh |
| 20 | TS. Nguyễn Ngọc Thanh | Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 21 | TS. Đinh Văn Thông | Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 22 | TS. Nguyễn Thị Thường | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội |
| 23 | ThS. Trần Quang Tuyến | Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |

II. TÓM TẮT NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Mục tiêu nghiên cứu

- Làm rõ cơ sở lý luận của định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Đây là cơ sở quan trọng để có được nhận thức và hành động đúng đắn, từ đó tạo ra sự đồng thuận của xã hội trong việc thực hiện mục tiêu này.

- Chỉ ra những thành tựu, hạn chế của việc thực hiện định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta những năm qua.

- Luận giải những nội dung mới của định hướng XHCN trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam thời kỳ 2011-2020 và đưa ra hệ quan điểm định hướng, hệ thống các giải pháp mới nhằm tiếp tục định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

- Từ việc làm rõ những vấn đề trên, đề tài góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn bức xúc có liên quan đến định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay: xử lý mối tương quan giữa kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân; vai trò của Nhà nước và tự do hóa kinh tế; hội nhập kinh tế quốc tế và thực hiện mục tiêu chủ nghĩa xã hội (CNXH); các điều kiện cơ bản và các thể chế đảm bảo định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam...

- Trên cơ sở làm rõ hơn lý luận chính trị và thực tiễn về định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, đề tài sẽ trực tiếp góp phần bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 và soạn thảo các Văn kiện Đại hội XI về những vấn đề liên quan đến định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

- Lý luận về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam là nội dung quan trọng của lý luận Kinh tế chính trị. Hiện nay, ở Việt Nam, nghiên cứu vấn đề này sẽ góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu và giảng dạy Kinh tế chính trị ở bậc đại học và sau đại học, đặc biệt đối với chuyên ngành kinh tế chính trị.

2. Nội dung nghiên cứu

Nội dung của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Khái luận về kinh tế thị trường và định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường tìm hiểu và phân tích các vấn đề về kinh tế thị trường gồm lịch sử hình thành, phát triển, bản chất và các đặc trưng, điều kiện phát triển kinh tế thị trường và kinh tế thị trường “rút ngắn”, hoạt động can thiệp, định hướng của Nhà nước trong một số nền kinh tế thị trường tiêu biểu trên thế giới; về định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường gồm quan hệ giữa kinh tế thị trường và CNXH, thực chất và nội dung định hướng XHCN trong phát triển kinh tế thị trường và những điều kiện thực hiện định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường.

Chương 2: Tình hình thực hiện định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam đưa ra quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường, sơ lược những thành tựu định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam những năm qua và những vấn đề đặt ra đối với việc thực hiện định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Chương 3: Các quan điểm và các giải pháp nhằm tiếp tục thực hiện định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam đề cập bối cảnh mới tác động đến việc thực hiện định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, đưa ra các quan điểm thực hiện định hướng XHCN trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam và hệ giải pháp tiếp tục thực hiện định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta thời gian tới.

3. Các kết quả nghiên cứu chính của đề tài

Các sản phẩm công bố

| TT | Tên sản phẩm | Thời gian công bố | Tên tạp chí, báo/ nhà xuất bản |
|----------|--|-------------------|--------------------------------|
| 1 | Sách chuyên khảo | | |
| 1.1 | Tính phổ biến và tính đặc thù trong phát triển kinh tế thị trường | 2008 | NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 1.2 | Định hướng XHCN trong phát triển kinh tế thị trường: Thực trạng và giải pháp | 2009 | NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 1.3 | Định hướng phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam | 2010 | NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội |

| TT | Tên sản phẩm | Thời gian công bố | Tên tạp chí, báo/ nhà xuất bản |
|----------|---|-------------------|---|
| 2 | Bài báo | | |
| 2.1 | Nội dung và những giải pháp thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam | 2009 | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia "Mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam - Cơ sở lý luận và thực tiễn" |
| 2.2 | Về điều kiện hình thành và phát triển kinh tế thị trường và vận dụng vào thực tiễn ở Việt Nam | 12/2008 | Tạp chí Lý luận Chính trị |
| 2.3 | Hệ lụy của khủng hoảng thị trường tài chính Mỹ | 3/2009 | Tạp chí Châu Mỹ ngày nay |
| 2.4 | Phát triển nguồn lực con người trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam | 10/2008 | Tạp chí Châu Mỹ ngày nay |
| 2.5 | Một số nhân tố tăng cường liên kết giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển con người | 10/2008 | Tạp chí Kinh tế châu Á Thái Bình Dương |
| 2.6 | Một số thách thức đặt ra trong quá trình tăng trưởng kinh tế vì mục tiêu phát triển con người ở Việt Nam hiện nay | 12/2008 | Tạp chí Châu Phi và Trung Đông |
| 2.7 | Nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp nông sản Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế | 28/2009 | Tạp chí Thương mại |
| 2.8 | Một số giải pháp phát triển kinh tế thị trường ở những vùng chậm phát triển | 5+6/2009 | Tạp chí Quản lý kinh tế |
| 2.9 | Nâng cao chất lượng dịch vụ của Nhà nước về bảo vệ quyền lợi người lao động Việt Nam ở nước ngoài | 5/2009 | Tạp chí Kinh tế và Phát triển |
| 2.10 | Những bài học trong điều hành chính sách tiền tệ ở Việt Nam | 4/2009 | Tạp chí Châu Mỹ ngày nay |
| 2.11 | Giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về xuất khẩu lao động | 4/2009 | Tạp chí Lao động và Xã hội |
| 2.12 | Phát huy vai trò của hợp tác xã để tiêu thụ hàng nông sản | 05/2009 | Tạp chí Cộng sản |
| 2.13 | Thách thức về giảm nghèo đối với mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam | 10/2008 | Tạp chí Lao động và Xã hội |
| 2.14 | Kinh nghiệm của một số nước về phát triển kinh tế bền vững và bài học cho Việt Nam | 04/2009 | Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á |
| 2.15 | Công bằng xã hội trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam | 01/2010 | Tạp chí Quản lý Nhà nước |
| 2.16 | Vấn đề sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa | 03/2009 | Tạp chí Tuyên giáo |
| 2.17 | Một số kiến nghị chống suy giảm kinh tế ở Việt Nam | 2009 | Hội thảo khoa học quốc gia "Ngăn chặn suy giảm kinh tế ở Việt Nam" |
| 2.18 | Suy giảm kinh tế ở Việt Nam: Nguyên nhân và giải pháp | 04/2009 | Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông |
| 2.19 | Một số giải pháp cơ bản nhằm phát triển thị trường khoa học - công nghệ ở Việt Nam | 2008 | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia "Các lý thuyết kinh tế trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu và thực tiễn Việt Nam" |

| TT | Tên sản phẩm | Thời gian công bố | Tên tạp chí, báo/ nhà xuất bản |
|------|---|-------------------|---|
| 2.20 | Lý thuyết của J.M. Keynes về việc làm và vận dụng vào thực tiễn Việt Nam | 2010 | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các lý thuyết kinh tế trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu và thực tiễn Việt Nam” |
| 2.21 | Lý thuyết tăng trưởng kinh tế của Keynes và suy nghĩ về tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam hiện nay | 2010 | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các lý thuyết kinh tế trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu và thực tiễn Việt Nam” |
| 2.22 | Chủ nghĩa tự do mới, bối cảnh và khung khổ cho một vài điều chỉnh mới | 2010 | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các lý thuyết kinh tế trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu và thực tiễn Việt Nam” |
| 2.23 | Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường từ một số học thuyết kinh tế cận, hiện đại và vận dụng vào Việt Nam | 2010 | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các lý thuyết kinh tế trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu và thực tiễn Việt Nam” |
| 2.24 | Vấn đề chủ sở hữu và người đại diện - Một số gợi ý về chính sách cho Việt Nam | 2010 | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các lý thuyết kinh tế trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu và thực tiễn Việt Nam” |
| 2.23 | Tác động toàn cầu hóa đến vai trò kinh tế của nhà nước và hàm ý đối với các quốc gia đang phát triển | 2010 | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các lý thuyết kinh tế trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu và thực tiễn Việt Nam” |
| 2.24 | Học thuyết Keynes và vấn đề chống suy giảm kinh tế ở Việt Nam hiện nay | 2010 | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các lý thuyết kinh tế trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu và thực tiễn Việt Nam” |
| 2.25 | Phát triển kinh tế hiện nay với vấn đề thực hiện công bằng xã hội | 2010 | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các lý thuyết kinh tế trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu và thực tiễn Việt Nam” |
| 2.26 | Tìm hiểu xu hướng phát triển của các học thuyết kinh tế và những vấn đề rút ra cho Việt Nam | 2010 | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các lý thuyết kinh tế trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu và thực tiễn Việt Nam” |
| 2.27 | Vấn đề lãi suất trong một số học thuyết kinh tế và sự vận dụng trong nền kinh tế Việt Nam | 2010 | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các lý thuyết kinh tế trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu và thực tiễn Việt Nam” |
| 2.28 | Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường từ một số học thuyết kinh tế cận, hiện đại và vận dụng vào Việt Nam | 2010 | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các lý thuyết kinh tế trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu và thực tiễn Việt Nam” |
| 2.29 | Vận dụng học thuyết kinh tế Mác-Lênin trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam | 2010 | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các lý thuyết kinh tế trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu và thực tiễn Việt Nam” |
| 2.30 | Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về kinh tế nông dân và ý nghĩa đối với Việt Nam | 2010 | Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các lý thuyết kinh tế trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu và thực tiễn Việt Nam” |

Các sản phẩm ứng dụng

| TT | Tên sản phẩm ứng dụng | Tên cơ quan ứng dụng |
|----|--|---|
| 1 | Chuyên đề thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam | Hệ đào tạo cao học Kinh tế chính trị, Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 2 | Chuyên đề: Những vấn đề kinh tế chính trị về nền kinh tế thị trường Việt Nam | Hệ đào tạo tiến sĩ Kinh tế chính trị, Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 3 | Chuyên đề: Phát triển con người ở Việt Nam | Hệ đào tạo cao học Kinh tế chính trị, Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 4 | Chuyên đề: Phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam | Hệ đào tạo cao học Kinh tế chính trị, Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 5 | Môn học: Mô hình kinh tế thị trường Việt Nam | Hệ đào tạo cử nhân Kinh tế chính trị, Đại học Kinh tế - ĐHQGHN |
| 6 | Quan hệ giữa kinh tế thị trường và CNXH | Tiểu ban soạn thảo văn kiện Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam |

Kết quả đào tạo

| TT | Tên cá nhân đào tạo | Kết quả (TS/ThS) | Nội dung đào tạo | Ghi chú |
|----|---------------------|------------------|--------------------------------|--------------------------|
| 1 | Nguyễn Hữu Sở | TS | Chuyên ngành Kinh tế Chính trị | Tốt nghiệp tháng 04/2009 |
| 2 | Trần Đức Hiệp | TS | Chuyên ngành Kinh tế Chính trị | Tốt nghiệp tháng 12/2009 |

III. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Kiến nghị cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011)

1. Trong mục III (trang 9), phần viết về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN cần được bổ sung, làm rõ hơn vì đây là vấn đề rất phức tạp, phạm vi rộng và có vai trò hết sức to lớn trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta. Đây là mô hình kinh tế thị trường vừa mang những cái chung, phổ biến của kinh tế thị trường, vừa mang những cái riêng, đặc thù của Việt Nam:

Thứ nhất, nền kinh tế thị trường được sử dụng để thực hiện các mục tiêu của CNXH: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Thực chất của định hướng XHCN là phát triển kinh tế thị trường rút ngắn và bền vững. Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân giữ vai trò quyết định thành công của sự nghiệp này.

Thứ hai, đó là nền kinh tế thị trường hiện đại. Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN phải đạt trình độ phát triển cao; có cấu trúc đồng bộ và hiện đại; có thể chế kinh tế phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh tế. Đây cũng là nền kinh tế thị trường mở cửa, hội nhập; có khả năng thực hiện phân công và hợp tác quốc tế hiệu quả. Việt Nam cần nhanh chóng tiếp cận các tiêu chí của nền kinh tế thị trường hiện đại.

Thứ ba, nền kinh tế thị trường mang các đặc điểm của Việt Nam, có tiềm năng, lợi thế và bất lợi riêng, mang những dấu ấn lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa riêng. Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường, những tiềm năng, lợi thế, những yếu tố tích cực cần được

phát huy; những bất lợi, hạn chế cần sớm được khắc phục. Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam.

2. CNXH dựa trên chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất. Logic đơn giản là xây dựng CNXH phải xây dựng chế độ sở hữu đó. Do đó, ở các nước XHCN trước đây, chế độ sở hữu công cộng đã được xây dựng bằng những nỗ lực chủ quan, bằng cả biện pháp hành chính. Theo tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen, quan hệ sản xuất, trong đó trước hết là quan hệ sở hữu phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản (CNTB), chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa (TBCN) phù hợp với trình độ còn thấp kém của lực lượng sản xuất nên đã trở thành động lực cho sự phát triển của nền sản xuất. Nhờ đó, như C. Mác đã nói, chỉ trong vòng mấy trăm năm tồn tại, CNTB đã tạo ra một khối lượng của cải nhiều gấp nhiều lần khối lượng của cải của các xã hội trước cộng lại. Chỉ khi lực lượng sản xuất đã phát triển cao, xã hội hóa cao độ, chế độ sở hữu tư nhân TBCN mới trở nên lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất và phải được thay thế bằng chế độ sở hữu công cộng.

Mơ ước từ ngàn đời và là mục tiêu của phát triển kinh tế - xã hội của nhân loại là thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của con người; con người được phát triển tự do và toàn diện. Qua các phương thức sản xuất khác nhau, mục tiêu, mơ ước đó từng bước được thực hiện. Nhưng theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, chỉ đến CNXH và chủ nghĩa cộng sản (CNCS), lực lượng sản xuất phát triển rất cao, chế độ sở hữu công cộng được thiết lập... mới có đủ điều kiện thực hiện mục tiêu, mơ ước đó. Như vậy, chế độ sở hữu công cộng là động lực cho phát triển, thật sự vì con người... phải dựa trên sự phát triển cao của lực lượng sản xuất.

Hiện nay, trình độ phát triển của nền kinh tế nước ta còn thấp, chế độ sở hữu tư nhân còn phù hợp, là động lực phát triển sản xuất thì cũng có nghĩa là chế độ sở hữu công cộng chưa đủ cơ sở kinh tế để tồn tại và phát triển. Thực tiễn cho thấy, hiệu quả hoạt động của kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể thấp kém hơn so với kinh tế tư nhân. Do đó, việc xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng chưa phù hợp với quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển lực lượng sản xuất và trên thực tế, chúng cũng chưa thể thực hiện được vai trò đó. Đại hội đại biểu lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: “Chế độ sở hữu công cộng (công hữu) về tư liệu sản xuất chủ yếu là sản phẩm của nền kinh tế phát triển với trình độ xã hội hóa cao các lực lượng sản xuất hiện đại, từng bước được xác lập và sẽ chiếm ưu thế tuyệt đối khi CNXH được xây dựng xong về cơ bản. Xây dựng chế độ đó là một quá trình phát triển kinh tế-xã hội lâu dài qua nhiều bước, nhiều hình thức từ thấp đến cao.”

Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, kinh tế nhà nước là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô nên sự tồn tại của nó là khách quan. Ở các nước phát triển, kinh tế nhà nước chỉ chiếm 10-15% GDP nhưng vẫn có thể thực hiện được sứ mạng đó. Ở nước ta, trong những năm qua, kinh tế nhà nước chưa thể giữ vai trò chủ đạo nhưng đất nước ta vẫn đạt được nhiều thành tựu to lớn trong việc thực hiện định hướng XHCN. Thuật ngữ “kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo” có thể gây hiểu nhầm trong chỉ đạo thực tiễn, gây bất bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Sự ưu tiên cho kinh tế nhà nước đã làm méo mó các quan hệ thị trường, làm cho thị trường hoạt động kém hiệu quả, việc thực hiện định hướng XHCN gặp nhiều khó khăn. Luận điểm này chưa phù hợp với thực tế hiện nay, gây phản cảm và gây khó khăn cho việc chỉ đạo các hoạt động thực tiễn. Từ nay đến năm 2020, nên đặt mục tiêu: xây dựng kinh tế nhà nước trở thành

công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô thật sự hiệu quả. Từ năm 2020 trở đi, khi Việt Nam đã cơ bản trở thành nước công nghiệp, lực lượng sản xuất đã được xã hội hóa tương đối cao mới đặt mục tiêu phấn đấu: Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

3. Kinh tế thị trường định hướng XHCN trước hết phải thực hiện phân phối theo các nguyên tắc thị trường, tức là theo quy mô đóng góp và hiệu quả sử dụng các nguồn lực. Thực hiện nguyên tắc phân phối này góp phần huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng, phát triển nhanh. Cần phải hiểu rằng, tính ưu việt của cơ chế thị trường không chỉ trong lĩnh vực sản xuất, lưu thông, mà cả trong lĩnh vực phân phối. Phân phối theo đóng góp của các nguồn lực cũng cần công bằng như phân phối cho lao động. Đãi cao phân phối theo lao động là không phù hợp với cơ chế thị trường và sẽ không thực hiện được trong thực tế. Mặt trái của nguyên tắc phân phối theo cơ chế thị trường là tạo ra giãn cách về thu nhập, dẫn đến phân hóa giàu nghèo... Điều đó cần được hạn chế, khắc phục bằng các chính sách phân phối của nhà nước. Do đó, nên sửa câu: “Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh, phúc lợi xã hội” thành: “Phân phối thu nhập theo quy mô đóng góp và hiệu quả sử dụng các nguồn lực. Nhà nước hạn chế bất bình đẳng trong phân phối thu nhập bằng các chính sách phân phối lại, chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách an sinh và phúc lợi xã hội.”

Việc xác định “Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển” là chuẩn xác. Những năm vừa qua, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu trong xóa đói, giảm nghèo và được thế giới thừa nhận. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, mức độ công bằng lại bị quy định bởi trình độ phát triển kinh tế. Ngay cả khi đất nước ta đã được xếp vào nhóm thu nhập trung bình thấp, nghèo đói, mất công bằng... vẫn mang tính bức xúc.

4. Một học thuyết kinh tế, dù khoa học đến đâu cũng không thể giải quyết được mọi vấn đề của nền kinh tế. Học thuyết kinh tế Mác - Lênin chủ yếu nghiên cứu các xu hướng, các quy luật vận động của nền kinh tế, tức là những vấn đề mang tính dài hạn. Do đó, việc giải quyết những vấn đề cấp thiết, ngắn hạn mà chỉ dựa vào học thuyết kinh tế này sẽ gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, các học thuyết kinh tế của J. Keynes, Trường phái chính hiện đại, Chủ nghĩa tự do mới... lại có khả năng giải quyết tốt các vấn đề kinh tế cụ thể, ngắn hạn và trung hạn. Vì thế, kết hợp vận dụng học thuyết kinh tế Mác - Lênin với các học thuyết kinh tế khác là hết sức cần thiết. Thực tế, chúng ta đã và đang vận dụng các học thuyết này trong chống lạm phát, chống suy giảm kinh tế, duy trì những cân đối vĩ mô... Vì vậy, chúng tôi đề nghị bổ sung thêm ở trang 5 của Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XI của Đảng (tài liệu sử dụng tại Đại hội Đảng cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương), sau đoạn: “Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo và góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh” là “kết hợp vận dụng những yếu tố hợp lý trong các học thuyết kinh tế khác.”

Từ thực tiễn vận dụng các học thuyết kinh tế ở nước ta những năm qua, bài học có thể rút ra là: vận dụng bất cứ học thuyết kinh tế nào cũng phải phù hợp với điều kiện cụ thể, tránh rập khuôn, giáo điều.

5. Định hướng XHCN đòi hỏi phải có sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, nếu sự can thiệp của nhà nước quá mức hoặc không đủ mức cần thiết đều ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế thị trường. Để phát huy vai trò của kinh tế thị trường và của chính nhà nước, nhà nước chỉ nên can thiệp nhằm khắc phục các khuyết tật của kinh tế thị trường; đặc biệt khắc phục mặt trái của quá trình hội nhập quốc tế, tận dụng các nguồn lực

từ bên ngoài để phát triển kinh tế thị trường rút ngắn. Về nguyên tắc, nền kinh tế thị trường phát triển càng cao, phạm vi và mức độ can thiệp của nhà nước càng phải giảm. Trong nền kinh tế thị trường, chức năng chủ yếu của nhà nước là tạo lập môi trường để các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

Để điều tiết kinh tế thị trường hiệu quả, bản thân nhà nước phải thay đổi. Nhà nước không đứng trên, đứng ngoài mà phải tương thích với kinh tế thị trường. Trong điều kiện toàn cầu hóa, những nước đi sau có khả năng thực hiện phát triển rút ngắn nhưng khả năng này có trở thành hiện thực hay không là tùy thuộc vào nhà nước. Đây là vai trò rất quan trọng của nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

Nhà nước của dân, do dân, vì dân quản lý nền kinh tế là một đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, kinh tế quyết định chính trị; cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng. Do vậy, vai trò của nhà nước dù to lớn đến đâu, suy cho cùng phải dựa trên và bị quy định bởi trình độ phát triển kinh tế. Vì thế, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân và phát huy vai trò của nó trở thành nhân tố quyết định thành công quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta và là thách thức thật sự.

Nhà nước nói chung có những khuyết tật có thể dẫn tới sự thất bại trong hoạt động điều tiết kinh tế. Những nguyên nhân chính là: i) Bộ máy nhà nước có khả năng bị chi phối bởi các nhóm lợi ích và trở thành nhà nước trực lợi và tham nhũng; ii) là bộ máy quyền lực của xã hội, nhà nước có khả năng lạm quyền và đi chệch khỏi bản chất công quyền của mình, chuyển thành bộ máy quyền lực đứng trên xã hội, đối lập với xã hội; iii) chủ nghĩa tập thể là một thuộc tính vốn có của nhà nước và đi liền với nó là tính trách nhiệm, tính năng động và hiệu lực của bộ máy thấp; iv) trong điều kiện các nước chậm phát triển, nhà nước mang đậm dấu ấn của chế độ chuyên chế, mất dân chủ. Bởi vậy, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân cần phải tính đến và khắc phục được những khuyết tật đó.

Xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân hiện nay cần đặc biệt coi trọng xây dựng cấp chính quyền cơ sở. Đây là cấp chính quyền quan hệ trực tiếp với người dân nhưng có rất nhiều yếu kém, làm thương tổn nghiêm trọng lòng tin của dân với chế độ.

Trang 15, Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XI của Đảng (tài liệu sử dụng tại Đại hội Đảng cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương) có đoạn viết “Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thể hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, trên cơ sở liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo” nên sửa thành “Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thể hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, trên cơ sở khối đại đoàn kết toàn dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.” Lý do là hiện nay Việt Nam đã hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân, đang tiến hành cách mạng XHCN (vì thế phải xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN). Chúng ta không chỉ dựa vào sức mạnh của công - nông - trí thức, mà phải dựa vào sức mạnh của cả dân tộc, vào người Việt Nam ở trong nước và nước ngoài.

6. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định thành công của công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam, của việc thực hiện định hướng XHCN trong phát triển kinh tế thị trường. Trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, những lực lượng, giai tầng xã hội mới sẽ xuất hiện, muốn chia sẻ quyền lãnh đạo của Đảng. Thậm chí, họ muốn định hướng nền kinh tế thị trường Việt Nam phát triển theo con đường TBCN. Bởi vậy, để thực

hiện định hướng XHCN trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam phải không ngừng lớn mạnh.

Để nâng cao sức mạnh của Đảng, phải giải quyết đồng bộ nhiều vấn đề, trong đó có ba vấn đề then chốt:

- *Mỗi đảng viên và cả bộ máy lãnh đạo của Đảng phải mạnh.* Điều này đòi hỏi Đảng phải tiếp nhận được (hoặc sử dụng được) các cá nhân, các bộ phận ưu tú nhất trong xã hội; sàng lọc, loại bỏ những cá nhân, bộ phận thoái hóa, không đủ năng lực hoặc phẩm chất. Như thế, Đảng sẽ thật sự là bộ phận ưu tú nhất, trí tuệ nhất của xã hội.

Đảng lãnh đạo xã hội bằng đường lối, nghị quyết; bằng việc cử đảng viên của mình ứng cử vào vị trí lãnh đạo các cơ quan chính quyền, các tổ chức xã hội; không bao biện làm thay, chống chèo lên hoạt động của chính quyền. Đảng không chỉ là người lãnh đạo xã hội, mà còn là một bộ phận của xã hội, do vậy các cán bộ, đảng viên, các tổ chức của Đảng phải gương mẫu chấp hành pháp luật. Khi đó, người dân sẽ luôn tin tưởng và làm theo các đảng viên của Đảng. Chúng tôi đề nghị bổ sung ý này vào đoạn nói về đội ngũ cán bộ, đảng viên ở trang 18.

- *Hoàn thiện mô hình phát triển.* Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ đầu thế kỷ XX trở lại đây chứng tỏ: nhờ chủ nghĩa Mác - Lênin soi đường, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, giành được nhiều thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng CNXH. Từ thực tiễn đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhiều lần khẳng định sự nhất quán trong lựa chọn con đường phát triển của mình. "Trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới không phải từ bỏ mục tiêu CNXH mà là làm cho CNXH được nhận thức đúng đắn hơn và được xây dựng có hiệu quả hơn. Đổi mới không phải xa rời mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng." Việc xác định như vậy là đúng đắn và cần thiết.

Hoàn thiện mô hình phát triển dài hạn rất quan trọng nhưng vẫn chưa đủ. Trong mỗi giai đoạn phát triển của nền kinh tế thị trường, nhà nước có thể và cần phải đưa ra chiến lược phát triển cho phù hợp. Trong thời kỳ đầu, đất nước ta không có lựa chọn nào khác là phát triển theo chiều rộng, dựa vào lao động và tài nguyên. Giờ đây, chiến lược đó đã bộc lộ những hạn chế và cần có sự chuyển hướng sang chiến lược phát triển theo chiều sâu.

- *Gắn kết giữa mô hình lý thuyết với cơ chế, thể chế tổ chức thực hiện.* Mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta được Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức đưa ra tại Đại hội lần thứ IX của Đảng năm 2001. Tuy nhiên, cơ chế, thể chế tổ chức thực hiện mô hình cần được làm rõ hơn.

Ở nước ta những năm qua, mô hình kinh tế được Đảng và Nhà nước rất quan tâm nhưng chủ yếu ở cấp trung ương. Bằng các kênh khác nhau, Đảng và Nhà nước đã tìm cách chuyển tải, phổ biến nhận thức lý luận xuống địa phương và cơ sở. Việc học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; chính sách và luật pháp của nhà nước chủ yếu mang tính bắt buộc, hình thức. Do vậy, nhận thức lý luận của nhiều cán bộ địa phương và cơ sở rất thấp kém.

Do nhận thức hạn chế, việc tổ chức thực hiện mô hình phát triển đương nhiên sẽ có nhiều bất cập: giữa nhận thức lý luận và tổ chức thực hiện, vận dụng học thuyết kinh tế ở nước ta vẫn còn khoảng cách. Đó là việc giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường; thực hiện bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; tăng trưởng kinh tế gắn kết với tiến bộ và công

bằng xã hội, bảo vệ môi trường... trên thực tế còn nhiều bất cập. Tình trạng các cơ quan nhà nước hoạt động kém hiệu quả, buông lỏng quản lý trên nhiều lĩnh vực; một bộ phận cán bộ, công chức nhà nước thiếu năng lực, thiếu trách nhiệm, tham nhũng, xâm phạm quyền lợi của công dân... đã làm cho nhiều quan điểm, chủ trương đúng đắn của Đảng chưa được thực hiện trong thực tế. Điều này làm ảnh hưởng đến lòng tin của người dân vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đến niềm tin vào học thuyết kinh tế Mác - Lênin. Nâng cao phẩm chất và năng lực hành động, năng lực chịu trách nhiệm của đảng viên, cán bộ, công chức nhà nước trở thành nhân tố quyết định thành công sự nghiệp xây dựng CNXH trên đất nước ta.

Kiến nghị chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020

1. Phần II (từ trang 24-27) viết về các quan điểm phát triển cần được sắp xếp lại. Quan điểm 1 đã bao hàm cả quan điểm 4 vì phát triển nhanh và bền vững đòi hỏi phải phát triển lực lượng sản xuất hiện đại và xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp, trong đó có xây dựng kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể. Về kinh tế nhà nước chúng tôi đã có ý kiến ở phần trên. Từ nay đến năm 2020, nên đặt mục tiêu: xây dựng kinh tế nhà nước trở thành công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô thật sự hiệu quả. Về phát triển kinh tế tập thể, chúng tôi có thêm ý kiến sau. Đây là thành phần kinh tế (cùng với kinh tế nhà nước) được xác định là nền tảng của CNXH. Thực tế là, thành phần kinh tế này đã không được chú ý phát triển trong những năm qua. Không ít người có thành kiến với thành phần kinh tế này, cho rằng kinh tế tập thể không có tất yếu kinh tế, không hiệu quả...

Thực tiễn trên thế giới cho thấy, kinh tế tập thể (nhất là hình thức hợp tác xã - HTX) đã xuất hiện từ lâu và cho đến nay vẫn có vai trò nhất định trong đời sống kinh tế - xã hội, ở cả các nước phát triển và các nước đang phát triển. Điều đó cho thấy, vấn đề của kinh tế tập thể ở Việt Nam không phải ở hình thức sở hữu, mà ở vấn đề tổ chức quản lý và phân phối sản phẩm. Ở Việt Nam, những HTX làm ăn hiệu quả đều phải có chủ nhiệm HTX giỏi quản lý; năng động, nhạy bén với đòi hỏi của thị trường. Ở những HTX đó, người lao động và gia đình họ được hỗ trợ rất nhiều trong làm ăn, trong thu nhập và đời sống. Do đó, phát triển kinh tế tập thể không chỉ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường rút ngắn và bền vững, mà còn trực tiếp góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng CNXH.

Từ những phân tích trên đây, chúng tôi đề nghị bổ sung khi viết về kinh tế tập thể: Để phát triển kinh tế tập thể, Nhà nước hỗ trợ việc đào tạo cán bộ quản lý; xây dựng và thực hiện cơ chế phân phối công bằng, minh bạch.

Quan điểm 5, trang 27: Phải xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng cần được xem lại. Hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng sẽ làm cho nền kinh tế lệ thuộc vào bên ngoài nhiều hơn nên không thể xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ngày càng cao. Do đó, vấn đề đặt ra phải là vượt qua thách thức, tranh thủ các cơ hội do hội nhập đem lại, biến ngoại lực thành nội lực để phát triển rút ngắn và bền vững.

2. Về các đột phá chiến lược (trang 29). Đột phá chiến lược phải nhằm vào những khâu then chốt, quyết định sự phát triển và thời gian thực hiện không quá dài.

(1) Thực tiễn đã và đang làm cho nhận thức về định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn. Tuy nhiên, việc nghiên cứu quá trình thực hiện định hướng XHCN nền kinh tế thị trường ở nước ta cho thấy, thiếu cơ chế, thể chế hoặc cơ chế, thể chế không phù hợp đã làm cho nhiều quan điểm, chủ trương của Đảng

Cộng sản Việt Nam không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả thực hiện định hướng XHCN. Do thiếu cơ chế, thể chế, nhiều nguồn lực không được huy động hoặc sử dụng không hiệu quả; nhiều cơ quan chức năng của nhà nước, một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức nhà nước đã không thực hiện đầy đủ chức trách của mình... Do đó, có thể coi sự thiếu hụt cơ chế, thể chế là nguyên nhân quan trọng nhất của những hạn chế trong thực hiện định hướng XHCN nền kinh tế thị trường ở nước ta những năm qua. Bởi vậy, để thực hiện tốt hơn định hướng XHCN nền kinh tế thị trường ở nước ta những năm tới cần phải coi việc hoàn thiện cơ chế, thể chế là khâu đột phá (không chỉ thể chế kinh tế, mà cả thể chế chính trị, xã hội).

Thực hiện khâu đột phá này đòi hỏi trước hết phải coi cơ chế, thể chế là một phần của đường lối, các chiến lược, kế hoạch phát triển, các chủ trương, chính sách... của Đảng và Nhà nước. Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, thể chế phải được tiến hành thường xuyên. Thứ hai, các cơ chế, thể chế phải đảm bảo mở rộng quy mô và hiệu quả sử dụng các nguồn lực thực hiện mục tiêu của các chiến lược, kế hoạch phát triển; các chủ trương, chính sách... Thứ ba, các cơ chế, thể chế phải quy định rõ và có chế tài buộc các tổ chức, cá nhân thuộc các cơ quan công quyền phải thực hiện trách nhiệm của mình. Chỉ khi có cơ chế, thể chế phù hợp, mục tiêu của đường lối, các chiến lược, kế hoạch phát triển; các chủ trương, chính sách... của Đảng và Nhà nước mới trở thành hiện thực.

(2) Phát triển nguồn nhân lực, đổi mới hệ thống giáo dục quốc dân là việc làm thường xuyên và lâu dài. Hơn nữa, nguồn nhân lực phát huy tác dụng đến đâu còn tùy thuộc vào chính sách sử dụng, chính sách đãi ngộ... Do đó, chúng tôi đề nghị thay đột phá (2) bằng ưu tiên đầu tư cho các ngành kinh tế có hàm lượng khoa học - công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn. Tác động lan tỏa của đột phá này rất mạnh: thúc đẩy đổi mới giáo dục; đào tạo, sử dụng và thu hút (cả trong và ngoài nước) nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển khoa học - công nghệ... Đột phá này sẽ góp phần đẩy nhanh tiếp cận và phát triển kinh tế tri thức; chống nguy cơ tụt hậu mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã cảnh báo.

(3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng là điều kiện rất cần thiết cho phát triển nền kinh tế thị trường nhưng phải làm thường xuyên (phụ thuộc vào vốn, mặt bằng, quy hoạch, kế hoạch phát triển...). Do đó, chúng tôi không cho rằng xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng là đột phá chiến lược để phát triển, mà chỉ nên coi là một định hướng phát triển như đã nêu ở trang 35.

3. Mục IV cần chỉnh lại tiêu đề. Định hướng phát triển bao hàm cả đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế. Do đó, mục này có tiêu đề Định hướng phát triển là đủ.

Ở trang 30 của Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XI của Đảng (tài liệu sử dụng tại Đại hội Đảng cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương), sử dụng cụm từ “phân phối các lợi ích ngày càng công bằng” là không chuẩn xác. Về bản chất, lợi ích kinh tế là quan hệ kinh tế, không phải là đối tượng phân phối. Hơn nữa, trong điều kiện nền kinh tế chưa phát triển, thực hiện công bằng trong phân phối là không thể. Do đó, nên thay cụm từ trên bằng cụm từ “Nhà nước hạn chế chênh lệch quá đáng về thu nhập bằng các chính sách kinh tế-xã hội.”

Ở trang 31, khi viết về các doanh nghiệp nhà nước cần bổ sung thêm trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp này, nhất là các tập đoàn kinh tế nhà nước. Các doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nhà nước đều phải thực hiện trách nhiệm xã hội. Trách nhiệm xã hội lớn nhất của doanh nghiệp là đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hàng hóa, dịch vụ của xã hội về số lượng, chất lượng, giá cả, sự tiện lợi...

Nên gộp tiểu mục 2 (trang 32), mục 3 (trang 33), mục 4 (trang 34) và đặt tiêu đề là cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng chất lượng, hiệu quả và nội dung của tiểu mục cần được viết lại

theo tên tiêu mục, phải quán triệt được những quan điểm đã nêu ở trên. Đây là nội dung rất quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020.

4. Mục VI rất quan trọng, quyết định việc biến tất cả những nội dung nêu trên thành hiện thực nên cần được viết kỹ hơn. Trong mục này cần thể hiện đột phá chiến lược về xây dựng cơ chế, thể chế nhằm thực hiện không chỉ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, mà cả Cương lĩnh xây dựng đất nước gắn với giai đoạn này.

Kiến nghị báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XI của Đảng

1. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã tổng kết, đánh giá thành tựu, hạn chế trong quá trình phát triển đất nước những năm qua; dự báo những xu hướng phát triển mới, định hướng cho sự phát triển dài hạn của đất nước. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 đã đề cập cụ thể hơn các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước trong 10 năm, từ năm 2010 đến 2020. Bởi vậy, để tránh trùng lặp, Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XI nên tập trung bàn những việc cấp thiết, cần làm trong thời kỳ 2011-2015. Trong Dự thảo các văn kiện, dung lượng của Báo cáo chính trị lớn hơn hai lần dung lượng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020.

2. Trong 5 năm, từ 2011-2015, đất nước ta chưa thể chuyển đổi từ mô hình cũ sang phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô, vừa chú trọng chất lượng và hiệu quả. Theo tinh thần của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, mục tiêu này chỉ hoàn thành vào năm 2020. Do đó, mục tiêu của chuyển đổi mô hình tăng trưởng giai đoạn 2011-2015 chỉ là chuẩn bị những tiền đề cần thiết để chuyển đổi thành công mô hình trong 5 năm tiếp theo.

3. Định hướng XHCN không phải là mục đích tự thân của nền kinh tế thị trường. Do vậy, tiêu mục: Giữ vững định hướng XHCN của nền kinh tế thị trường (trang 81) nên sửa thành Giữ vững định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường. Tiêu mục này nên bổ sung khái niệm và nội dung định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta. Chúng tôi cho rằng, định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường là hoạt động tự giác, sự nỗ lực của Đảng Cộng sản và Nhà nước XHCN trong việc nhận thức, vận dụng đúng đắn các quy luật phát triển, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực, tận dụng lợi thế của nước đi sau để phát triển kinh tế thị trường rút ngắn và bền vững nhằm xây dựng thành công CNXH, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.” Từ đó có thể thấy rằng, nội dung định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta là phát triển kinh tế thị trường rút ngắn và bền vững.

Ngày nay, đối với các nước đang phát triển, theo kịp các nước đi trước không đơn thuần là mơ ước, mà đã trở thành điều kiện để tồn tại và phát triển. Bởi vậy, phát triển rút ngắn là tất yếu, là quy luật đối với nước ta. Nghiên cứu con đường phát triển rút ngắn của các nước đi trước như Nhật Bản, các nước và lãnh thổ công nghiệp mới châu Á cho thấy, trong điều kiện hiện nay, nếu chúng ta nhận thức được các quy luật phát triển và nỗ lực hành động theo yêu cầu của các quy luật đó thì hoàn toàn có thể thực hiện phát triển rút ngắn.

Trong giai đoạn hiện đại, một số quốc gia đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhưng đã phải trả giá về xã hội và môi trường. Ngày nay, tăng trưởng kinh tế nhanh là không đủ, mà phải thực hiện phát triển bền vững. Đó là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, cải thiện các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường. Phát triển bền vững thể hiện rất rõ mối quan hệ giữa kinh tế thị trường với định hướng XHCN và phương

thức giải quyết mối quan hệ này. Ngày nay, phát triển bền vững được cả thế giới quan tâm và Việt Nam sẽ không thể là ngoại lệ.

Bởi thế, quá trình phát triển kinh tế thị trường và thực hiện định hướng XHCN của Việt Nam cùng một lúc phải giải quyết được cả ba vấn đề: i) Tăng trưởng cao, ổn định và từng bước nâng cao chất lượng tăng trưởng; ii) hạn chế và giảm thiểu các vấn đề xã hội như: phân hóa giàu nghèo, tệ nạn xã hội...; iii) bảo vệ được tài nguyên thiên nhiên và môi trường; giữ gìn cân bằng sinh thái. Thực hiện đồng thời cả ba vấn đề trên thực chất là giải bài toán về sự lựa chọn, đánh đổi. Nguyên tắc của sự lựa chọn phải là: tối ưu về hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường. Không phát triển bền vững không thể có CNXH. Bởi vậy, phát triển rút ngắn và bền vững trở thành nội dung định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu rất quan trọng trong thực hiện định hướng XHCN nền kinh tế thị trường: dáng dấp của nền kinh tế thị trường hiện đại đã phôi thai; nền kinh tế tăng trưởng nhanh, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao; đất nước ta hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đã thoát ra khỏi tình trạng chậm phát triển... Những thành tựu đó chứng tỏ, phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN là cần thiết và đúng đắn. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, vai trò quản lý của Nhà nước là nhân tố cực kỳ quan trọng đem lại thành tựu nêu trên.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, không ít hạn chế, khuyết điểm và nhiều vấn đề được đặt ra và phải tiếp tục khắc phục, giải quyết: chất lượng tăng trưởng kinh tế thấp; còn nhiều vấn đề xã hội bức xúc; nguy cơ cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường chưa được ngăn chặn thật sự hiệu quả... Những hạn chế, bất cập nêu trên có nguyên nhân khách quan là điểm xuất phát thấp của nền kinh tế, mặt trái của chính quá trình phát triển, tác động tiêu cực của toàn cầu hóa... Nguyên nhân chủ quan là: tình trạng yếu kém, tiêu cực, buông lỏng quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực gây bức xúc, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, với chế độ; làm ảnh hưởng không tốt đến thực hiện định hướng XHCN. Bối cảnh mới của đất nước và thế giới đang đặt ra những thách thức không nhỏ cho Việt Nam. Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam còn ở mức rất thấp; nhiều vấn đề xã hội và môi trường không thể giải quyết nhanh chóng, dễ dàng; các thế lực thù địch vẫn tìm cách can thiệp, ngăn cản sự nghiệp xây dựng CNXH của nhân dân ta...

Việc khắc phục những hạn chế, bất cập trên đây là đòi hỏi khách quan, cấp thiết của định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta trong những năm tới.

Đồng thời, bối cảnh mới của đất nước và thế giới cũng đang tạo ra cho Việt Nam cơ hội rất thuận lợi cho việc thực hiện định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Những thành tựu đạt được trong những năm qua đã tạo ra những tiền đề kinh tế - xã hội cho phép Việt Nam phát triển nền kinh tế thị trường nhanh hơn. Môi trường quốc tế về cơ bản là hòa bình, ổn định tạo điều kiện cho Việt Nam có thể hội nhập sâu rộng hơn; thu hút các nguồn lực, học hỏi kinh nghiệm bên ngoài nhằm phát triển rút ngắn và bền vững. Với những thành tựu và kinh nghiệm tích lũy được và sự nỗ lực hơn nữa của toàn Đảng, toàn dân, Việt Nam hoàn toàn có khả năng vượt qua mọi khó khăn, giải quyết tốt những vấn đề nêu trên. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta nhất định sẽ thực hiện thành công định hướng XHCN trong phát triển nền kinh tế thị trường, xây dựng thành công CNXH./.